

Số: /BNNMT-CCPT
V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp
thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Tây Ninh do Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội chuyển đến tại Văn bản số 498/UBNDGS16 ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc chuyển kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI.

Sau khi nghiên cứu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Nội dung kiến nghị của cử tri:

1.1. Kiến nghị số 80: Cử tri kiến nghị các cơ quan chức năng quan tâm mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ nông sản, sản phẩm chăn nuôi sang nhiều quốc gia khác ngoài thị trường Trung Quốc nhằm giảm phụ thuộc vào một thị trường truyền thống, góp phần ổn định đầu ra, hạn chế tình trạng ứ ứ, ép giá và nâng cao giá trị sản phẩm cho người nông dân.

1.2. Kiến nghị số 98: Cử tri kiến nghị ban hành chính sách hỗ trợ thiết thực cho nông dân trước tình trạng sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, giá vật tư đầu vào tăng, giá nông sản thiếu ổn định, nhiều hộ không có lãi, phát sinh nợ và phải bỏ hoang đất. Đề nghị có giải pháp như: giảm lãi suất vay vốn, ổn định đầu ra nông sản, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất, tăng liên kết chuỗi với doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư sơ chế, chế biến tại vùng chuyên canh để nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập và phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Kết quả nghiên cứu, giải quyết và trả lời kiến nghị

Hai nội dung kiến nghị trên thuộc trường hợp giải trình, cung cấp thông tin.

2.1. Đối với kiến nghị số 80

Bên cạnh thị trường truyền thống Trung Quốc, thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và Môi trường luôn quan tâm mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ nông sản, trong đó có sản phẩm chăn nuôi sang nhiều thị trường khác. Bộ cũng chủ động đổi mới phương thức tiếp cận, mở rộng thị trường để thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường mới, đồng thời triển khai nhiều giải pháp như tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu của các thị trường mới để định hướng sản xuất đảm bảo chất lượng, mẫu mã, thị hiếu tiêu dùng.... Một số giải pháp Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã và đang thực hiện, cụ thể gồm:

a. Nhóm giải pháp nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường

- Bộ đã tiến hành đàm phán mở cửa với một số thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zealand...; thực hiện ký kết Nghị định thư, thỏa thuận song phương với nhiều nước để xuất khẩu chính ngạch các mặt hàng như yến sào, mật ong (sản phẩm chăn nuôi), sầu riêng, chanh leo, khoai lang...;

- Bộ có những hoạt động thiết thực nhằm tận dụng các FTA (Hiệp định thương mại tự do) như EVFTA, CPTPP, RCEP... để tiếp cận thị trường mới và tận dụng ưu đãi thuế quan nhằm đa dạng hoá thị trường tiêu thụ nông sản nói chung và sản phẩm chăn nuôi nói riêng. Hiện nay, thị trường xuất khẩu thịt chính của Việt Nam gồm: Hồng Kông, Singapore, Campuchia...;

- Hằng năm, Bộ chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức các hoạt động XTTM nông sản ở trong và ngoài nước. Kết nối cung cầu, thúc đẩy xuất khẩu qua thương mại điện tử (Alibaba, Amazon...). Đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, kênh phân phối hiện đại ở nhiều quốc gia. Trước những biến động của thị trường thế giới, đặc biệt khi Hoa Kỳ thay đổi chính sách thuế quan và tác động của xung đột chính trị khu vực Trung Đông, Bộ đã chủ động tổ chức các đoàn công tác xúc tiến và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như: Anh - Đức, Úc - New Zealand, Nhật Bản, Bỉ và Hà Lan... Năm 2026, tiếp tục tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại và phát triển thị trường tại Canada - Mexico, Hà Lan - Tây Ban Nha, khu vực châu Phi....

- Bộ cũng đã chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm để có thể đáp ứng quy định của nhiều thị trường bằng việc chuẩn hóa quy trình sản xuất: khuyến khích người dân áp dụng các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ); kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm, thắt chặt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, đảm bảo không có dư lượng chất cấm theo tiêu chuẩn, quy định quốc tế về an toàn dịch bệnh đối với sản phẩm chăn nuôi.

b. Nhóm giải pháp nhằm ổn định đầu ra, hạn chế tình trạng ứ ứ, ép giá và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tổ chức lại sản xuất, phát triển liên kết gắn với tiêu thụ nông sản, đảm bảo ổn định đầu ra:

+ Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, tăng cường ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm;

+ Triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022) và Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản (Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021); phát triển hệ thống logistics nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản; đẩy mạnh chế biến sâu, bảo quản

sau thu hoạch, phát triển kho lạnh nhằm kéo dài thời gian bảo quản, giảm áp lực tiêu thụ theo mùa vụ, hạn chế tình trạng “được mùa mất giá”.

- Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai các chiến lược, đề án đã được ban hành về phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, thúc đẩy xuất khẩu, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển chế biến một số sản phẩm chủ lực (rau quả, thủy sản, gỗ, sản phẩm chăn nuôi...). Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, gắn với nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến đa dạng hóa sản phẩm, giúp kéo dài thời gian bảo quản sau thu hoạch, giảm áp lực tiêu thụ nông sản tươi sống và hạn chế tối đa tình trạng “ùn ứ, ép giá” khi vào vụ thu hoạch; chuyển dịch cơ cấu sản phẩm hướng tới gia tăng tỷ trọng hàm lượng chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm vào các thị trường phân khúc cao cấp.

2.2. Đối với kiến nghị số 98

a) Chính sách hỗ trợ thiết thực cho nông dân, giảm lãi suất vay vốn để ổn định sản xuất.

Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ nông dân ổn định sản xuất, thông qua đó chính quyền địa phương có thể triển khai, áp dụng phù hợp tại địa phương, cụ thể gồm:

- Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Cơ chế cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa rất linh hoạt đối với các mô hình liên kết chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao. Các dự án chế biến sâu luôn thuộc nhóm lĩnh vực ưu tiên áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn thấp theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước.

- Quyết định số 130/QĐ-TTg năm 2021 của Chính phủ về Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030: Ưu tiên hỗ trợ kinh phí, cho vay ưu đãi hoặc bảo lãnh vay vốn từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) đối với các dự án ứng dụng công nghệ tự động hóa, công nghệ sinh học và bảo quản quy mô công nghiệp.

- Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp: có quy định chính sách ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp tham gia dự án ứng dụng công nghệ cao hoặc chế biến nông sản tại các địa bàn khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (10% - 15%), miễn giảm thuế có thời hạn; đồng thời được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ dây chuyền chế biến sâu mà trong nước chưa sản xuất được.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực đất đai, tín dụng, miễn giảm tiền thuê đất/thuê mặt nước và hỗ trợ kinh phí xây dựng hạ tầng cơ sở chế biến, nhà xưởng thu mua trực tiếp tại địa phương. Đặc biệt, theo *Nghị định số 31/2021/NĐ-CP* của Chính phủ, hoạt động nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định các dự án liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp với Hợp tác xã (HTX) và nông dân sẽ được ngân sách hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ chuỗi liên kết (nhà xưởng, bến bãi, kho tàng sơ chế, bảo quản) với mức hỗ trợ lên tới 10 tỷ đồng.

b) Giải pháp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, ổn định đầu ra nông sản

Ngoài những giải pháp mở rộng thị trường, ổn định đầu ra cho nông sản được cụ thể hóa bằng các hoạt động được nêu tại Mục 2.1, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, cụ thể:

- Đẩy mạnh hoạt động giới thiệu, thông tin về sản phẩm nông sản thông qua các đoàn công tác của các cấp lãnh đạo;

- Tham gia các hội chợ, triển lãm thực phẩm quốc tế, tổ chức các diễn đàn kết nối, tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức đoàn công tác xúc tiến và mở rộng thị trường hằng năm;

- Quan tâm phát triển thị trường tiêu thụ trong nước thông qua việc tổ chức thường niên các hội chợ, triển lãm quan trọng của ngành như Hội chợ AgroViet, Hội chợ Làng nghề Việt Nam, phối hợp với địa phương tổ chức tuần hàng nông sản tại các thành phố lớn.

- Ngoài ra, hằng tháng Bộ phát hành Bản tin sản xuất và tiêu thụ nông sản trong nước và Bản tin phân tích, dự báo thị trường nông sản xuất khẩu tới các Bộ, ngành, địa phương; các hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân. Hằng quý, Bộ phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan tổ chức các tọa đàm cập nhật thông tin về nhu cầu, thị hiếu và phổ biến quy định về thị trường trong và ngoài nước; tổ chức các hội thảo tập huấn kỹ năng khai thác, tìm kiếm, dự báo thông tin thị trường, kết nối giữa sản xuất, tiêu thụ thông qua hệ thống logistics... để người dân chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tín hiệu thị trường. Đẩy mạnh hỗ trợ cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, xử lý các rào cản kỹ thuật, nhằm nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng của nông sản, thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch, tạo đầu ra ổn định cho nhân dân;

c) Tăng cường liên kết chuỗi với doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư sơ chế, chế biến tại vùng chuyên canh

Ngoài việc triển khai thực hiện một số chính sách phát triển liên kết chuỗi như Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ đã được nêu ở trên. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục ban hành và triển khai các chương trình, đề án nhằm thúc đẩy phát triển chuỗi liên kết như: đánh giá, nhân rộng mô hình, Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong

nước và xuất khẩu 2022-2025 cho giai đoạn mới 2026-2030; Chương trình khuyến nông trung ương giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 373/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/1/2025) với mục tiêu hỗ trợ nông dân và các tổ chức sản xuất áp dụng công nghệ mới, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh; Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp và môi trường trên môi trường số; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào doanh nghiệp và sản xuất (Quyết định số 5565/QĐ-BNNMT ngày 22/12/2025); Kế hoạch phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 2152/QĐ-BNNMT ngày 05/6/2026).

Song song với các giải pháp của Chính phủ và các bộ ngành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh trong việc triển khai các cơ chế, chính sách hiện hành. Đồng thời đề nghị Chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin; hướng dẫn doanh nghiệp, HTX chủ động tiếp cận chính sách tại địa phương. Bộ sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, tăng cường liên kết sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng của nông sản và cải thiện thu nhập cho người nông dân.

Trên đây là các ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trân trọng gửi Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh để thông tin tới cử tri; gửi Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội để tổng hợp, theo dõi, giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Chủ tịch UBTVMTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Tây Ninh;
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Tây Ninh;
- Thứ trưởng Võ Văn Hưng;
- Vụ Pháp chế (để tổng hợp, theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Cổng TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, CCPT.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Việt Hùng